TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1156/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Vân
2. Ông Lê Bá Hợp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Kiều Oanh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa:

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 472/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1505/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Lê V; cư trú tại: Số 820/102/42 đường Nguyễn Kiệm, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh N; cư trú tại: Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Lê V trình bày: Bà V và ông Nguyễn Minh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191/2012, quyển số 01/2012 ngày 22/8/2012. Vợ chồng chung sống với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, ham chơi, để một mình bà V phải gánh vác toàn bộ kinh tế gia đình. Bà V đã nhiều lần nói chuyện để mong ông N

thay đổi nhưng không có kết quả. Hiện nay bà V và ông N đã sống ly thân. Từ khi sống ly thân bà V và ông N không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà V và ông N có một con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/9/2013. Bà V yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ bà V đã giao nộp cho Tòa án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hồ Lê V và ông Nguyễn Minh N ngày 22/8/2012; giấy khai sinh của trẻ Nguyễn Đăng K; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà V và ông N.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông N và giấy triệu tập ông N đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V nhưng ông N không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà V bảo lưu các ý kiến đã trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông N có nơi cư trú tại quận G, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà V và ông N là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Bà V xin ly hôn với ông N vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với ông N đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông N vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ ông N không có trách nhiệm đối với hôn

nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V đối với ông N.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của bà V: Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N về con chung nhưng Hội đồng xét xử xét thấy hiện trẻ Nguyễn Đăng K đang do bà V nuôi dưỡng và vẫn còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên việc tiếp tục giao trẻ Khôi cho bà V nuôi dưỡng là phù hợp. Xét việc bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của bà V và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Do bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Lê V được ly hôn với ông Nguyễn Minh N

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/9/2013 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà V phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018215 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- UBND P B, Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Hà